| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 227/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Trúc

*C Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiển

Ông Tạ Thanh Bự

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa C đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Hoa C; Sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: Ấp B Đ, xã Tr Ph, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C1; Sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Ấp Ô B, xã Kh B, huyện Tr V Thi, tỉnh Cà Mau; Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị C trình bày*:

- Về hôn nhân: Chị C và anh C1 tự nguyện chung sống, đến ngày 14/01/2019 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Phán, huyện Đ D. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, ly thân đến nay hơn một tháng. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống nên chị C yêu cầu được ly hôn anh C1.

- Về con chung: Nguyễn Hoàng Nil, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 14/5/2018. Hiện tại con chung sống cùng chị C, khi ly hôn, chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi C con, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với anh Nguyễn Văn C1*: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt C văn bản tố tụng cho anh C1 biết về yêu cầu khởi kiện của chị C nhưng anh C1 không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Hoa C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn C1 đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với C đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị C và anh C1 kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị C xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện tại sống ly thân nhau. Đối chiếu C quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện C công việc trong gia đình và việc anh C1 không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh, chị đã có xảy ra và không ai mong muốn cũng như có động thái hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị C được ly hôn với anh C1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tuy nhiên, chị C có yêu cầu được nuôi dưỡng C con chung, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu Nguyễn Hoàng Nil và đối với cháu Nguyễn Minh Nhật hiện tại cũng do chị C nuôi dưỡng từ khi anh chị ly thân nhau đến nay, chị vẫn đảm bảo C điều kiện cho C con chung phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và tốt nhất cho C con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung Nguyễn Hoàng Nil và Nguyễn Minh Nhật cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, C vấn đề khác: Chị C xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoa C.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hoa C được ly hôn anh Nguyễn Văn C1.

1.2. Về con chung: Giao Nguyễn Hoàng Nil, sinh ngày 23/8/2014 và Nguyễn Minh Nhật, sinh ngày 14/5/2018 cho chị Trần Thị Hoa C trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn C1 không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Hoa C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014473 ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại C Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. C đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã Tr Ph, huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Trúc**